

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29/01/2018

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Lương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Giáp Văn Quynh

2. Ông Vũ Hải Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa – Thư ký Tòa án tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2017/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXX-ST ngày 05/01/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2018 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Q. Sinh năm: 1976 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: thôn D, xã B, huyện VY, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Chị Thân Thị M. Sinh năm: 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn N, xã H, huyện VY, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang cư trú tại Angola.

Chị Thân Thị M ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Thân Thị X, sinh năm 1956; : thôn N, xã H, huyện VY, tỉnh Bắc Giang nhận và nộp thay các giấy tờ với Tòa án. Giấy ủy quyền có xác nhận của Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Angola.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai anh Nguyễn Văn Q là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Trước khi kết hôn hai vợ chồng được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Vợ chồng đăng ký kết hôn ngày 28/02/1997 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện VY, tỉnh Bắc Giang nơi anh Q có hộ khẩu thường trú. Sau khi kết hôn chị M về nhà anh làm dâu ngay. Thời gian 10 năm đầu vợ chồng chung sống hòa thuận. Cuối năm 2007 do khó khăn về kinh tế vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không tôn trọng nhau. Chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Hai vợ chồng đã nhiều lần gặp gỡ nói chuyện với nhau nhưng do không ai chịu nhường ai nên vợ chồng không về chung sống cùng nhau được. Sau khi hai bên gia đình biết chuyện có khuyên bảo hai vợ chồng về đoàn tụ chăm sóc con cái nhưng không được. Năm 2008 chị M đi xuất khẩu lao động tại Angola nhưng không hề bàn bạc gì với anh. Anh chỉ biết việc này khi chị M đã sang Angola rồi mới gọi điện về nói như vậy. Từ khi sang Angola hai vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Chị M có gọi điện về cũng chỉ hỏi thăm sức khỏe các con. Nay anh xác định vợ chồng ly thân đã hơn 10 năm nên anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy anh làm đơn khởi kiện xin ly hôn chị M gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Minh.

Về con cái: Có 02 con chung là:

+ Cháu Nguyễn Thị Minh N Sinh ngày 10/06/1998

+ Cháu Nguyễn Thị Ngọc T Sinh ngày 10/02/2003

Do chị M không ở Việt Nam nên không có điều kiện chăm sóc con. Vì vậy đề nghị Tòa án giao con chung là cháu T cho anh được nuôi dưỡng. Cháu N đã trên 18 tuổi nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Con riêng: không có.

Về tài sản chung, công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Thân Thị M: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập làm việc 02 lần, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị M vẫn không đến Tòa án để làm việc.

Tuy nhiên bố mẹ đẻ chị M có bản tự khai gửi Tòa án như sau:

Về quan hệ vợ chồng: Trước khi kết hôn anh Q, chị M được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Có đăng ký kết hôn ngày 28/02/1997 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện VY, tỉnh Bắc Giang nơi anh Q đăng ký hộ khẩu thường trú. Sau khi kết hôn chị M về nhà anh Q làm dâu ngay. Thời gian 10 năm đầu hai cháu chung sống hòa thuận. Cuối năm 2007 do khó khăn về kinh tế nên anh Q, chị M bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống, hay

cãi vã, không tôn trọng nhau. Chị M bỏ về sinh sống cùng ông, bà. Anh Q, chị M và hai bên gia đình đã nhiều lần gặp gỡ nói chuyện với nhau nhưng không về ở với nhau nữa. Năm 2008 chị M đi xuất khẩu lao động tại Angola. Từ khi đi đến nay chị có vài lần về thăm gia đình rồi lại quay lại Angola làm việc. Ông bà cũng xác định anh Q, chị M không về ở với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh Q.

Về thông báo các văn bản đối với chị M: Ngay sau khi Tòa án gửi giấy tờ cho chị M thông qua ông, bà thì ông, bà cũng đã gọi điện thoại báo cho chị M biết ngay. Chị M cho biết đồng ý ly hôn anh Q vì tình cảm vợ chồng không còn. Do chị đi làm ăn xa nên mong Tòa án thông cảm cho chị, chị không về nước làm việc với Tòa án được.

Về con cái: Anh Q, chị M có 02 con chung là:

+ Cháu Nguyễn Thị Minh N Sinh ngày 10/06/1998

+ Cháu Nguyễn Thị Ngọc T Sinh ngày 10/02/2003

Cháu N hiện ở cùng bố là anh Q, cháu T hiện nay đang sinh sống cùng ông, bà. Nếu anh Q, chị M ly hôn ông, bà đề nghị giải quyết theo ý kiến của anh Q, chị M và cháu T.

+ Con riêng: không có

Về tài sản chung, công nợ: ông, bà không có ý kiến gì.

Tại phiên toà anh Nguyễn Văn Q xin xét xử vắng mặt, chị Thân Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố các bản tự khai của anh Q, ông B, bà X, cháu T có trong hồ sơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Anh Nguyễn Văn Q có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Q.

- Chị Thân Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, Hội đồng xét xử căn cứ vào Nghị quyết số: 03/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết đối với những trường hợp từ chối khai báo và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị M.

[2]. Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn Q là nguyên đơn và chị Thân Thị M là bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Chị Thân Thị M hiện đang cư trú tại Angola như vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài. Vì vậy đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Q và chị Thân Thị M có đăng ký kết hôn ngày 28/02/1997 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện VY, tỉnh Bắc Giang. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[4]. Về yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn Q với chị Thân Thị M: Trong lời khai của anh Q và lời khai của bố mẹ đẻ chị M đều xác định vợ chồng anh Q, chị M đã ly thân nhau hơn 10 năm nên tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy cần xác định vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cần xử cho anh Nguyễn Văn Q và chị Thân Thị M được ly hôn nhau là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về con chung: Anh Q, chị M có 02 con chung là:

+ Cháu Nguyễn Thị Minh N Sinh ngày 10/06/1998

+ Cháu Nguyễn Thị Ngọc T Sinh ngày 10/02/2003

- Cháu N đã trên 18 tuổi, anh Q cùng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Cháu T hiện nay đang sinh sống cùng ông, bà ngoại. Anh Q đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị M hiện đang cư trú tại Angola nên không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con. Vì vậy: Cần giao con chung cho anh Q nuôi dưỡng và chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con nguyên đơn không yêu cầu, bị đơn không có lời khai nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 nhưng anh Q được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, Điều 227,

khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn Q được ly hôn chị Thân Thị M.

2. *Về con chung*: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 10/02/2003 cho anh Q nuôi dưỡng, chăm sóc. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị M không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở chị M thực hiện quyền này.

3. *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/000440 ngày 14/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Q hiện đang ở Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết. Chị M hiện đang cư trú tại nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã B, huyện VY;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TT Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Gia Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giáp Văn Quỳnh Vũ Hải Đăng

Nguyễn Gia Lương